

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM**

Căn cứ Quyết định 949/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025 của Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội về công bố danh mục TTHC lĩnh vực quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp & Môi trường thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 53/2022/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về Ban hành quy định phân công, phân cấp quản lý về ATTP trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định 5248/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội, Chủ tịch UBND xã, phường trên địa bàn thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

Xét hồ sơ và kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở;

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚC THỌ  
CHỨNG NHẬN**

Cơ sở sản xuất, kinh doanh: **Hộ kinh doanh Hoàng Thị Nhung 2000**

GCN ĐKKD số: 01R8019012 Nơi cấp: Phòng Kinh tế xã Phúc Thọ, cấp ngày: 18/6/2025.

Đại diện cơ sở: Hoàng Thị Nhung

Số căn cước công dân: 001300012590, cấp ngày 11/02/2025,

Nơi cấp: Bộ Công an.

Địa chỉ: Thôn Phụng Thượng 2, xã Phúc Thọ, tp Hà Nội.

Điện thoại: 0969404695

**Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh:**

**Gà ỉ muối, Chăn giò hun khói, Giò me, Tai heo ỉ muối, Giò xào**

Số cấp: 14/2025/PT.HN

GCN có hiệu lực: Đến ngày 03 tháng 10 năm 2028.

Phúc Thọ, ngày 03 tháng 10 năm 2025



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Nguyễn Thị Phương Nga*

Kiều Trọng Sỹ

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

Mã số đăng ký hộ kinh doanh 01R8019012

Mã số hộ kinh doanh: 8941015595-001

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 06 năm 2025

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 03 tháng 12 năm 2025

**1. Tên hộ kinh doanh:**

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt: **HỘ KINH DOANH HOÀNG THỊ NHUNG 2000**

**2. Trụ sở của hộ kinh doanh:** Thôn Phụng Thượng 5, Xã Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0969404695

Fax:

Thư điện tử:

Website:

**3. Ngành, nghề kinh doanh**

Số	Tên	Mã số
1	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010 (Chính)
2	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075

**4. Vốn kinh doanh:**

Vốn kinh doanh (Bằng số): 100.000.000 đồng.

Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Một trăm triệu đồng.

**5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh:** Cá nhân

**6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh**

Họ và tên: **HOÀNG THỊ NHUNG**

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 19/02/2000

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 001300012590

Nơi thường trú: Thôn Phụng Thượng 2, Xã Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Nơi ở hiện nay: Thôn Phụng Thượng 2, Xã Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. / *Thuy*

Số chứng thực: *431* ..... Quyển số: *0* ..... SCT/BS

**KT. TRƯỞNG PHÒNG  
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



*Thuy*  
**Khuyết Thị Phương**

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Vương Loan Hằng*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM SỐ:**  
**Số: 01/HKDHTN/2025**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **HỘ KINH DOANH HOÀNG THỊ NHUNG**

Địa chỉ: Thôn Phụng Thượng 2, xã Phúc Thọ, Thành Phố Hà Nội

E- mail:

Điện thoại: 0969404695

Mã số doanh nghiệp: 01R8019012, ngày cấp: 28/05/2025, nơi cấp: Phòng Kinh tế xã Phúc Thọ

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 14/2025/PT.HN, ngày cấp: 03/10/2025, nơi cấp: Ủy ban nhân dân xã Phúc Thọ

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: Gà ủ muối

2. Thành phần: Gà ri, muối, hạt nêm, mì chính, đường, hạt tiêu( không có chất bảo quản)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Thời hạn sử dụng: 06 tháng kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi nilon FE. Chất liệu bao bì có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường.

- Quy cách đóng gói: 1con/túi. Khối lượng tịnh có thể thay đổi tùy theo nhu cầu của thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm,

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất) - Sản xuất tại: **HỘ KINH DOANH HOÀNG THỊ NHUNG**

- Địa chỉ: Thôn Phụng Thượng 2, xã Phúc Thọ, Thành Phố Hà Nội

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gà ủ muối

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hoá:

**HỘ KINH DOANH HOÀNG THỊ NHUNG** Thôn Phụng Thượng 2, xã Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hoá: Việt Nam

4. Định lượng: In trên bao bì sản phẩm

5. Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm

6. Hạn sử dụng: 06 tháng kể từ ngày sản xuất

7. Thành phần hoặc thành phần định lượng: Gà ri, muối, hạt nêm, mì chính, đường, hạt tiêu( không có chất bảo quản)

8. Thông tin, cảnh báo: Nếu bảo quản ở nhiệt độ 0°C - 5°C cần rã đông trước khi sử dụng. Không sử dụng sản phẩm quá hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

9. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:

- Hướng dẫn sử dụng: sản phẩm dùng ăn ngay hoặc chế biến tùy thích

Hướng dẫn bảo quản: Khi mở bao cần bảo quản ở nhiệt độ 0°C - 5°C và dùng hết trong ngày.

10. Ghi chú:

#### **IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

2. QCVN 8-2:2011/BYT

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

3. Thông tư 50/2016/TT-BYT quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026  
**HỘ KINH DOANH HOÀNG THỊ NHUNG**

**Chủ hộ**

*Nhung*

**Hoàng Thị Nhung**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM SỐ:**  
**SỐ: 01/HKDHTN/2025**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **HỘ KINH DOANH HOÀNG THỊ NHUNG**

Địa chỉ: Thôn Phụng Thượng 2, xã Phúc Thọ, Thành Phố Hà Nội

E- mail:

Điện thoại: 0969404695

Mã số doanh nghiệp: 01R8019012, ngày cấp: 28/05/2025, nơi cấp: Phòng Kinh tế xã Phúc Thọ

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP số: 14/2025/PT.HN, ngày cấp: 03/10/2025, nơi cấp: Ủy ban nhân dân xã Phúc Thọ

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: Giò me

2. Thành phần: Thịt lợn, bì lợn, mắm, muối hồng, hạt nêm, chất ổn định, mì chính, hạt tiêu( không chất bảo quản)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- Thời hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong túi nilon FE. Chất liệu bao bì có thể thay đổi tùy theo nhu cầu thị trường.

- Quy cách đóng gói: 1kg/túi. Khối lượng tịnh có thể thay đổi tùy theo nhu cầu của thị trường và được ghi rõ trên nhãn sản phẩm,

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất) - Sản xuất tại: **HỘ KINH DOANH HOÀNG THỊ NHUNG**

- Địa chỉ: Thôn Phụng Thượng 2, xã Phúc Thọ, Thành Phố Hà Nội

**III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)**

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Giò me

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hoá:

**HỘ KINH DOANH HOÀNG THỊ NHUNG** Thôn Phụng Thượng 2, xã Phúc Thọ, Thành Phố Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hoá: Việt Nam

4. Định lượng: In trên bao bì sản phẩm

5. Ngày sản xuất: In trên bao bì sản phẩm

6. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất
7. Thành phần hoặc thành phần định lượng: Thịt nạc, bì, muối, gia vị, không có chất phụ gia
8. Thông tin, cảnh báo: Nếu bảo quản ở nhiệt độ 0°C - 5°C cần rửa đóng trước khi sử dụng. Không sử dụng sản phẩm quá hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.
9. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:
  - Hướng dẫn sử dụng: sản phẩm dùng ăn ngay hoặc chế biến tùy thích –
  - Hướng dẫn bảo quản: Khi mở bao cần bảo quản ở nhiệt độ 0°C - 5°C và dùng hết trong ngày.
10. Ghi chú:

#### **IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
2. QCVN 8-2:2011/BYT
  - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
3. Thông tư 50/2016/TT-BYT quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 05 tháng 01 năm 2026  
**HỘ KINH DOANH HOÀNG THỊ NHUNG**

**Chủ hộ**

*Nhung*

**Hoàng Thị Nhung**

**CƠ SỞ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM  
HOÀNG NHUNG**

**ĐẶC SẢN NGHỆ AN**

# GIÒ ME



**Thành phần:** Thịt lợn, bì, mắm, muối Hồng, hạt nêm, chất ổn định, mì chính, hạt tiêu (không chất bảo quản).

**Cách dùng:** Ăn ngay không cần chế biến, thái lát mỏng, chấm tương ớt, thuận tiện khi sử dụng.

**Bảo quản:** Sau khi mở bao và không sử dụng nữa cần bảo quản ở nhiệt độ từ 0° -5°C.

**VSATTP SỐ:** 14/2025/PT.HN | **ĐKKD:** 01R8019012

**Sản xuất tại:** Hộ kinh doanh Hoàng Thị Nhung

**Đ/C sản xuất:** T. Phụng Thượng 2, X. Phúc Thọ, Tp. Hà Nội

**Hạn sử dụng:** 04 tháng kể từ ngày sản xuất

**Ngày sản xuất:** xem trên bao bì



**TESTING REPORT/**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM02 LBH.09

**I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:**

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : HỘ KINH DOANH HOÀNG THỊ NHUNG 2000  
 Address (Địa chỉ) : Thôn Phụng Thượng 2, xã Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

**II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:**

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN142214021  
 Information provided by applicant : Giò me  
 (Thông tin được khách hàng cung cấp)  
 Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong túi kín còn nguyên vẹn  
 Seal No (Số niêm) : Không niêm phong  
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu  
 Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -  
 Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/10/2025  
 Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/10/2025  
 Report date (Ngày trả kết quả) : 31/10/2025  
 Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : Không lưu mẫu

**Note / Ghi chú:**

- (\*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu  
 LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

**Authorized Technical Representative**  
**Phụ trách kỹ thuật**

**ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH**

**On behalf of NATEK**  
**Đại diện NATEK**



**HOÀNG VĂN HUYNH**

**TESTING REPORT/  
BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM02 LBH.09



<b>Code/ Mã mẫu:</b> * <b>KN142214021/1</b>				
<b>Sample name/ Tên mẫu:</b> * <b>Giò me</b>				
<b>Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)</b>		<b>Giò me</b>		
<b>Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích</b>	<b>Test Method/ Phương pháp</b>	<b>Unit/ Đơn vị</b>	<b>LOD</b>	<b>Result/ Kết quả</b>
Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC) <sup>(1)</sup>	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022	CFU/g	/	<10
Salmonella spp. <sup>(1)</sup>	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50=3 CFU/25g	ND
E.coli <sup>(1)</sup>	ISO 16649-2:2001	CFU/g	/	<10
Chloramphenicol <sup>(1)</sup>	NTL-HH601 Ref.FDA/OR A/DFS No. 4290	µg/kg	0.020	ND
Định tính Borat (Hàn the)	AOAC 970.33	mg/kg	100	ND
Chất Đạm/Protein <sup>(1)</sup>	NTL-HH1132 (Ref: AOAC 991.20)	g/100g	/	18.5
Lipid/chất béo <sup>(1)</sup>	NTL-HH1135 (Ref: AOAC 963.15)	g/100g	/	12.4
Năng lượng <sup>(1)</sup>	NTL-HH 279 Ref.FAO food energy 02:2003	kcal/100g	/	203
Carbohydrate <sup>(1)</sup>	NTL-HH 280 Ref.FAO food energy 02:2003	g/100g	/	4.48
Cadimi (Cd) <sup>(1)</sup>	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	0.022
Chì (Pb) <sup>(1)</sup>	AOAC 999.11	mg/kg	0.01	0.024<LOQ(0.050))
Natri (Na) <sup>(1)</sup>	TCVN 10916: 2015	mg/100g	0.500	234

# GÀ Ủ MUỐI

## CƠ SỞ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM HOÀNG NHUNG GÀ Ủ MUỐI

**Thành phần:** Gà ri, muối, hạt nêm, mì chính, đường, hạt tiêu (không chất bảo quản).

**Cách dùng:** Rã đông tự nhiên, thái ra ăn liền k cần chế biến. Thuận tiện khi sử dụng. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

**Bảo quản:** Khi mở bao cần bảo quản ở nhiệt độ từ 0° -5°C và dùng trong 2 ngày.

**VSATTP SỐ:** 14/2025/PT.HN

**ĐKKD:** 01R8019012

**Sản xuất tại:** Hộ kinh doanh Hoàng Thị Nhung

**Đ/C sản xuất:** T. Phụng Thượng 2, X. Phúc Thọ, Tp. Hà Nội

**Hạn sử dụng:** 06 tháng kể từ ngày sản xuất

**Ngày sản xuất:** xem trên bao bì





**TESTING REPORT/**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM02 LBH.09

**I. CLIENT INFORMATION/ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:**

Applicant/ ref. (Khách hàng/ số yêu cầu) : HỘ KINH DOANH HOÀNG THỊ NHUNG 2000  
 Address (Địa chỉ) : Thôn Phụng Thượng 2, xã Phúc Thọ, thành phố Hà Nội

**II. SAMPLE INFORMATION AND TESTING REQUISITION/ THÔNG TIN MẪU VÀ YÊU CẦU:**

JOB No. (Số phiếu yêu cầu phân tích) : KN142214020  
 Information provided by applicant : Gà ủ muối  
 (Thông tin được khách hàng cung cấp)  
 Sample description (Mô tả mẫu) : Mẫu được chứa trong hộp kín còn nguyên vẹn  
 Seal No (Số niêm) : Không niêm phong  
 Source of sample (Nguồn mẫu) : Khách hàng gửi mẫu  
 Sampling on (Ngày lấy mẫu) : -  
 Sample received on (Ngày nhận mẫu) : 14/10/2025  
 Sample tested on (Ngày phân tích) : 14/10/2025  
 Report date (Ngày trả kết quả) : 31/10/2025  
 Sample retention time (Thời gian lưu mẫu) : Không lưu mẫu

**Note / Ghi chú:**

- (\*) Testing parameter is sent to subcontractor accredited by NATEKLAB / Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và được giám sát bởi NATEKLAB.
- (1) Parameter is accredited ISO17025 / Chỉ tiêu được công nhận ISO17025
- (2) Parameter is designated by Ministry of Agriculture and Rural Development / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- (3) Parameter is designated by Ministry of Industry and Trade/ Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Công Thương
- (4) Parameter is designated by Ministry of Health / Chỉ tiêu được chỉ định bởi Bộ Y Tế
- ND: Not detected/ Không phát hiện D: Detected/ Phát hiện <1;<2;<3;<10: Not detected/g sample/ Không phát hiện/g mẫu  
 LOD: limit of detection/ Giới hạn phát hiện LOQ: Limit of Quantitation/ Giới hạn định lượng
- This testing result is only valid on tested sample. It is issued under our NATEK Terms and Conditions. NATEK only resolves complaints about analytical results within 7 days from the report date of results / Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử. Báo cáo này được ban hành theo những điều khoản kinh doanh của NATEK. NATEK chỉ giải quyết khiếu nại về kết quả phân tích trong vòng 7 ngày kể từ ngày trả kết quả
- The above result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of NATEK is granted/ Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của đại diện NATEK

**Authorized Technical Representative**  
**Phụ trách kỹ thuật**

**ĐỖ THỊ NGỌC ÁNH**

**On behalf of NATEK**  
**Đại diện NATEK**



**HOÀNG VĂN HUYNH**

**TESTING REPORT/  
BÁO CÁO KẾT QUẢ PHÂN TÍCH**

Form code/ Mã biểu mẫu: NTL-TT04-BM02 LBH.09



<b>Code/ Mã mẫu:</b>	<b>KN142214020/1</b>			
<b>Sample name/ Tên mẫu:</b>	Gà ủ muối			
<b>Information provided by applicant/ (Thông tin được khách hàng cung cấp)</b>	Gà ủ muối			
<b>Test Parameter/ Chỉ tiêu phân tích</b>	<b>Test Method/ Phương pháp</b>	<b>Unit/ Đơn vị</b>	<b>LOD</b>	<b>Result/ Kết quả</b>
Tổng số vi sinh vật hiếu khí (TPC) <sup>(1)</sup>	ISO 4833-1:2013/ Amd.1:2022	CFU/g	/	6.2x10 <sup>2</sup>
Salmonella spp. <sup>(1)</sup>	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Phát hiện/25g	eLOD50=3 CFU/25g	ND
E.coli <sup>(1)</sup>	ISO 16649-2:2001	CFU/g	/	<10
Auramine O <sup>(1)</sup>	NTL-HH636 Ref. AOAC 2007.01	µg/kg	0.5	ND
Chất Đạm/Protein <sup>(1)</sup>	NTL-HH1132 (Ref: AOAC 991.20)	g/100g	/	30.2
Lipid/chất béo <sup>(1)</sup>	NTL-HH1135 (Ref: AOAC 963.15)	g/100g	/	7.53
Năng lượng <sup>(1)</sup>	NTL-HH 279 Ref.FAO food energy 02:2003	kcal/100g	/	408
Carbohydrate <sup>(1)</sup>	NTL-HH 280 Ref.FAO food energy 02:2003	g/100g	/	54.9
Cadimi (Cd) <sup>(1)</sup>	AOAC 999.11	mg/kg	0.002	0.021
Chì (Pb) <sup>(1)</sup>	AOAC 999.11	mg/kg	0.01	0.046<LOQ(0.050)
Natri (Na) <sup>(1)</sup>	TCVN 10916: 2015	mg/100g	0.500	466